TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2024/DS-ST
Ngày: 24/9/2024
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hiệp;

2. Bà Đồng Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 161/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đặng Chí T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh T là: Chị Đặng Thị Thu C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

(Theo Giấy ủy quyền số chứng thực: 081 ngày 28/3/2024).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1979, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 2003, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Phùng Thị Thu T2, sinh năm 1981, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, đường V, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Văn phòng C1, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 28/3/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Chí T có người đại diện theo ủy quyền là chị Đặng Thị Thu C trình bày:*** Vào ngày 01/9/2018, anh Đặng Chí T có cho chị Phùng Thị Thu T2 mượn số tiền là 239.000.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng) nhưng đến thời hạn trả tiền thì chị T2 hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả tiền cho anh T, cho nên anh T có làm đơn khởi kiện vợ chồng chị Phùng Thị Thu T2 và anh Nguyễn Thành S đến Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Đến ngày 29/05/2023, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị Phùng Thị Thu T2 và anh Nguyễn Thành S phải liên đới trả cho anh T số tiền 239.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Thành S không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 nên kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ngày 09/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy. Theo bản án phúc thẩm số 500/2023/DS-PT ngày 09/9/2023, buộc vợ chồng chị Phùng Thị Thu T2 và anh Nguyễn Thành S phải liên đới trả cho anh T số tiền 239.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh T làm đơn yêu cầu Thi hành án. Trong quá trình xác minh thi hành án thì anh T nhận được Thông báo số 136/TB-CCTHADS ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy cho biết: Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Nguyễn Thành S đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện anh S đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thành T1 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 969, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2024 tại Văn phòng C1 và anh Nguyễn Thành T1 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/3/2024.

Do việc tặng cho quyền sử dụng đất này được thực hiện sau khi Bản án 500/2023/DS-PT ngày 09/9/2023 có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Thành

T1 là con ruột của anh Nguyễn Thành S, cho thấy mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T nên anh T khởi kiện anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T2, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Ngày 29/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Phùng Thị Thu T2. Nay anh T chỉ khởi kiện anh Nguyễn Thành S, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Thành S với ông Nguyễn Thành T1 vào ngày 27/02/2024 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có số công chứng 969, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2024 là vô hiệu.

**** Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành S trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do cha ruột của anh là ông Nguyễn Văn H tặng cho riêng anh, chị Phùng Thị Thu T2 không liên quan đến thửa đất này. Việc chị T2 nợ tiền của anh T không liên quan đến anh nên việc anh tặng cho thửa đất trên cho anh Nguyễn Thành T1 là đúng pháp luật, anh T1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

**** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị Thu T2 trình bày:***

Thống nhất với ý kiến trình bày của anh S, trước kia anh S đã chuyển nhượng một phần đất để trả nợ cho chị rồi nên thửa đất số 336 là của cá nhân anh S, chị không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất này. Việc anh S tặng cho thửa đất 336 cho con trai ruột của chị và anh S là anh Nguyễn Thành T1 là đúng pháp luật nên chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Theo văn bản ngày 07/8/2024, Văn phòng C1 trình bày:*** Vào ngày 27/02/2024, anh Nguyễn Thành S có đến Văn phòng C1 yêu cầu công chứng "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" được giao kết giữa anh Nguyễn Thành S và anh Nguyễn Thành T1, số công chứng 969, Quyển số 01/2024TP/CC-

SCC/HĐGD. Việc công chứng hợp đồng trên là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án xét xử đúng quy định pháp luật.

**** Theo văn bản số 171/CCTHADS ngày 01/8/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy có ý kiến:*** Chi Cục Thi hành án dân huyện Cai Lậy có thụ lý và thi hành đối với các Bản án, Quyết định số 500/2023/QĐST-DS ngày 09/9/2023; Bản án số 112/2021/DSST ngày 20/12/2021, Bản án số 218/2023/DSST ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy và đã ban hành Quyết định thi hành án số 74/QĐ-CCTHADS ngày 13/10/2023, số 201/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2024, số 150/QĐ-CCTHADS ngày 24/3/2022 theo đó ông Nguyễn Thành S, bà Phùng Thị Thu T2 liên đới trả cho ông Đặng Chí T số tiền 239.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án; liên đới trả cho Nguyễn Thị P số tiền 197.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án. Bà Phùng Thị Thu T2 trả cho Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án. Ngoài ra Nguyễn Thành S, Phùng Thị Thu T2 phải chịu 21.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thành S vàNguyễn Thành T1 được thực hiện sau khi các bản án có hiệu lực pháp luật, là nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do đó, Chấp hành viên đã thông báo cho ông Đặng Chí T là người được thi hành án quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.

Trong quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy đã áp dụng đúng trình tự thủ tục quy định về thi hành án. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chi cục Thi hành án xin không tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Chí T đối với chị Phùng Thị Thu T2 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh S và anh T1 là vô hiệu.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Thành S với ông Nguyễn Thành T1 vào ngày 27/02/2024 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Văn phòng C1 có đơn xin vắng mặt; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xin không tham gia tố tụng nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/7/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Phùng Thị Thu T2, nguyên đơn chỉ khởi kiện anh Nguyễn Thành S về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh S và anh T1 là vô hiệu. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn chị Phùng Thị Thu T2. Đồng thời, xác định anh Nguyễn Thành S là bị đơn, chị Phùng Thị Thu T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh Nguyễn Thành S với anh Nguyễn Thành T1 là vô hiệu. Bị đơn anh S có địa chỉ tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Căn cứ vào bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy và bản án dân sự phúc thẩm số 500/2023/DS-PT ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật thì anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Chí T số tiền 239.000.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 27/02/2024 anh S, chị T2 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Nguyễn Thành T1 thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho anh Đặng Chí T là không đúng quy định pháp luật, bởi tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu"*.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S và chị T2 xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị không có tài sản chung, ngoài thửa đất trên thì anh S không còn tài sản nào khác để đảm bảo thi hành án. Tuy anh S đã tặng cho thửa đất số 336 cho anh T1 nhưng anh S khẳng định anh vẫn còn trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Mặt khác, ngày 13/10/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy đã ra quyết định thi hành án số 74/QĐ-CCTHADS theo đơn yêu cầu của anh T đối với anh S, chị T2 nhưng đến nay anh S, chị T2 vẫn không tự nguyện thi hành án. Đối chiếu với các quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự thì: *"Trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản đó thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án. Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó.*

...Trường hợp có giao dịch về tài sản kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên không kê biên tài sản mà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự và có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản."

Và tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự quy định: *"Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó."*

Như vậy, anh S là người đang phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng lại lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh T1 dẫn đến không còn tài sản để trả nợ cho anh T nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh S với anh T1 là hợp đồng giả tạo, nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Thành S với ông Nguyễn Thành T1 xác lập vào ngày 27/02/2024 vô hiệu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù Tòa án đã giải thích hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa hôm nay, các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ;

- Khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Chí T đối với chị Phùng Thị Thu T2 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Thành S và ông Nguyễn Thành T1 là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Chí T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Thành S với ông Nguyễn Thành T1 vào ngày 27/02/2024 tại Văn phòng C1 đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.076,1 m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có số công chứng 969, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2024 là vô hiệu.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thành S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H2 lại cho anh Đặng Chí T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002553 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh